

Bản án số: **24/2024/HNGĐ-PT.**

Ngày 02/7/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Ông Nguyễn Trung Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 02/7/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2024/TLPT-HNGĐ ngày 20/3/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 20/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐPT ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Đông Sỹ C**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: **Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

* **Người kháng cáo:** Bị đơn Chị **Nguyễn Thị T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, anh **Đông Sỹ C** trình bày:* Anh và chị **Nguyễn Thị T** có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Thái Nguyên** vào ngày 13/11/2006. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vợ chồng đã ly thân khoảng 7 đến 8 năm nay, không liên hệ, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **T**.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu **Đồng Sơn L**, sinh ngày 17/7/2008 hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, anh đồng ý để chị **T** tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, chị **Nguyễn Thị T** trình bày:* Vợ chồng chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **P**, tỉnh **Thái Nguyên**. Sau khi kết hôn xong chị về nhà anh **C** sinh sống và làm dâu ngay. Khoảng 01 năm sau thì hai vợ chồng vào **miền N** làm ăn. Đến năm 2008 chị mang thai nên trở về Tam Tiến sinh sống còn anh **C** vẫn ở lại **miền N**. Chị và gia đình đã gọi nhiều lần nhưng anh **C** không về. Anh **C** còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và ruồng bỏ không quan tâm đến vợ con. Chị cũng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã làm đơn ly hôn gửi tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhưng vì thương con nên đã rút đơn khởi kiện. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn liên hệ hay quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh **Côn x** ly hôn chị không đồng vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc học hành của con chung.

Về việc nuôi con: Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu **Đồng Sơn L** và không yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2024/HNGĐ-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 246; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Đồng Sỹ C** được ly hôn chị **Nguyễn Thị T**.

Về việc nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là cháu Đồng Sơn L, sinh ngày 17/7/2008. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc buộc anh Đồng Sỹ C phải cấp dưỡng nuôi con từ ngày 17/7/2008 đến ngày 05/02/2024 số tiền là 50.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/02/2024 bị đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đề nghị buộc anh Đồng Sỹ C phải trả cho chị số tiền là 50.000.000đồng do chị bỏ ra nuôi con chung từ ngày 17/7/2008 đến ngày 05/02/2024.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt, không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Chị Nguyễn Thị T trình bày: Quá trình chị và anh C sống ly thân chị phải vất vả nuôi con chung, anh C không chu cấp và không đóng góp cho chị tiền để nuôi cháu L ăn học. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh Đồng Sỹ C phải trả cho chị tiền chị bỏ ra nuôi cháu L từ ngày 17/7/2008 đến ngày 05/02/2024 khi cháu ốm đau bệnh tật và học hành của cháu, chị ước tính số tiền nuôi cháu là 100.000.000đồng nên chị đề nghị Tòa án buộc anh C phải trả cho chị 1 số tiền trên là 50.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm tại phiên tòa chị đề nghị tòa án sơ thẩm buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con là do chị không hiểu biết. Nay chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của chị buộc anh C phải trả cho chị số tiền trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang về việc không chấp nhận yêu cầu buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị T từ ngày 17/7/2008 đến ngày 05/02/2024 số tiền là 50.000.000đồng.

Về án phí phúc thẩm: Chị T phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bản án sơ thẩm đã xét xử cho anh **C** được ly hôn với chị **T**. Nội dung này các đương sự đều không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị **Nguyễn Thị Thanh b** anh **C** phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Đông Lâm S** từ ngày 17/7/2008 đến ngày 05/02/2024 số tiền là 50.000.000đồng, HĐXX thấy:

Quá trình xét xử sơ thẩm, tại phiên tòa ngày 05/02/2024 chị **T** có đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu trên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận xem xét ý kiến này của chị **T** theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị **T** trình bày: Anh chị sống chung cùng nhau một thời gian ngắn, sau khi chị mang thai vài tháng chị về sống chung cùng nhà chồng, anh **C** vẫn ở **M** sinh sống nhưng anh **C** không gửi tiền về cho chị chăm sóc cháu **L**. Cháu **L** từ lúc sinh ra vẫn sống chung cùng nhà với ông bà nội. Chị đi làm công ty tại Bắc Ninh và cuối tuần chị vẫn về chăm sóc cháu. Mọi việc từ đóng học, ăn uống và lúc cháu ốm đau đều do một mình chị phải lo lắng, chị không có tiền chị phải vay nợ nhiều người để lấy tiền chi tiêu cho cháu. Anh **C** không hỏi han hay đưa tiền cho chị. Tuy nhiên, ông nội cháu **L** là **Đông Mỹ Đ** có văn bản tự trình bày: Cháu **L** sống cùng ông từ lúc cháu sinh ra, cháu không sống cùng chị **T** và cũng không sống với anh **C**, nhưng anh chị vẫn gửi tiền về cho ông để ông chăm sóc cháu và thỉnh thoảng anh chị cũng về thăm cháu. Tại phiên tòa chị **T** cũng không đưa ra được tài liệu gì chứng minh việc cháu **L** là do một mình chị chăm sóc và anh **C** không đóng góp tiền để nuôi cháu và không cấp dưỡng cho cháu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị **T**.

Theo đơn kháng cáo của chị thể hiện chị đề nghị Tòa áp phúc thẩm buộc anh **C** phải trả cho chị số tiền 50.000.000đồng là yêu cầu đòi tài sản không phải yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị trình bày do chị không hiểu biết nên chị nghĩ đó là yêu cầu cấp dưỡng và đề nghị xem xét. Nội dung này ở Tòa án cấp sơ thẩm chị chưa có đơn yêu cầu và tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý, chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét theo kháng cáo của chị được. Trường hợp chị yêu cầu đòi anh **C** số tiền chị đã bỏ ra nuôi cháu **L** sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu chị có yêu cầu.

[3]. Từ những nội dung trên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị **Nguyễn Thị T**, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang về con chung như đã nhận định ở trên.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo của chị Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm.

[5]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004848 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Công thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương